

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 05/2007/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 1 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế thẩm định dự án,
dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (112)**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996 và
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

Thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-TTg

ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là dự án, dự thảo) là hoạt động xem xét, đánh giá về nội dung và hình thức của dự án, dự thảo nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của dự án, dự thảo trong hệ thống pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trình tự, thủ tục thẩm định dự án, dự thảo do Bộ Tư pháp và Hội đồng thẩm định (sau đây gọi chung là cơ quan thẩm định) thực hiện.

2. Dự án, dự thảo thuộc phạm vi thẩm định bao gồm:

a) Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

b) Dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ;

c) Dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

3. Quy chế này không áp dụng đối với các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do cơ quan khác, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội mà Chính phủ có trách nhiệm tham gia ý kiến.

Điều 3. Nguyên tắc thẩm định

Việc thẩm định dự án, dự thảo phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính khách quan và khoa học;

2. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quy chế này;

3. Bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

Điều 4. Nội dung thẩm định

Thẩm định dự án, dự thảo bao gồm các nội dung sau đây:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản;
2. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự án, dự thảo;
3. Sự phù hợp của nội dung dự án, dự thảo với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng;
4. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự án, dự thảo với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự án, dự thảo với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
5. Tính khả thi của dự án, dự thảo;
6. Việc tuân thủ thủ tục và trình tự soạn thảo;
7. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thẩm định

1. Các cơ quan được phân công chủ trì soạn thảo dự án, dự thảo có trách nhiệm:
 - a) Gửi đầy đủ hồ sơ thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này đến cơ quan thẩm định;
 - b) Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến dự án, dự thảo được thẩm định theo yêu cầu của cơ quan thẩm định;
 - c) Thuyết trình về dự án, dự thảo khi có yêu cầu của cơ quan thẩm định;
 - d) Nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo trên cơ sở ý kiến thẩm định để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời giải trình bằng văn bản về việc tiếp thu, không tiếp thu ý kiến thẩm định và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Văn bản giải trình này phải được gửi đến Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ.
 - đ) Mời đại diện Bộ Tư pháp tham gia các hoạt động của Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án, dự thảo nhằm bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan soạn thảo và cơ quan thẩm định; bảo đảm chất lượng của dự án, dự thảo và chất lượng của báo cáo thẩm định; cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- a) Cử đại diện có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng thẩm định theo đề nghị của Bộ Tư pháp đối với các dự án, dự thảo do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo;
- b) Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc thẩm định theo yêu cầu của cơ quan thẩm định.

Điều 6. Hồ sơ thẩm định

1. Hồ sơ dự án, dự thảo do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì soạn thảo gửi đến Bộ Tư pháp để thẩm định (sau đây gọi là hồ sơ thẩm định) bao gồm:

- a) Công văn đề nghị thẩm định;
- b) Dự thảo tờ trình Chính phủ về dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ, dự thảo tờ trình Thủ tướng Chính phủ về dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Dự án, dự thảo;
- đ) Bản tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức hữu quan về dự án, dự thảo và bản sao ý kiến của mỗi Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức đó; bản tổng hợp ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, ý kiến của nhân dân về dự án, dự thảo (nếu có); bản giải trình về việc tiếp thu, không tiếp thu ý kiến góp ý vào dự án, dự thảo.

Số lượng tài liệu quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này là 10 (mười) bộ.

2. Hồ sơ thẩm định dự án, dự thảo do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo gửi các thành viên Hội đồng thẩm định bao gồm:

- a) Công văn đề nghị Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổ chức cuộc họp thẩm định;
- b) Dự thảo tờ trình Chính phủ về dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ; dự

thảo tờ trình trình Thủ tướng Chính phủ về dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;

c) Dự án, dự thảo,

d) Bản tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, các cơ quan hữu quan về dự án, dự thảo và bản sao ý kiến của mỗi Bộ, ngành, cơ quan đó; bản tổng hợp ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, ý kiến của nhân dân về dự án, dự thảo (nếu có); bản giải trình về việc tiếp thu, không tiếp thu các ý kiến góp ý vào dự án, dự thảo.

Điều 7. Lưu trữ hồ sơ thẩm định

Bộ trưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ, bảo quản hồ sơ thẩm định, biên bản cuộc họp của Hội đồng thẩm định, văn bản thẩm định và các tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương II

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, DỰ THẢO

Mục 1

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, DỰ THẢO DO BỘ TƯ PHÁP THỰC HIỆN

Điều 8. Phân công nghiên cứu thẩm định

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ về nội dung thẩm định dự án, dự thảo.

2. Thứ trưởng Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng trực tiếp phụ trách công tác thẩm định dự án, dự thảo thuộc các lĩnh vực theo sự phân công của Bộ trưởng.

Đối với những dự án, dự thảo có nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến cơ chế, chính sách mà chưa được pháp luật quy định và các vấn đề quan trọng khác thì Thứ trưởng phải báo cáo Bộ trưởng và xin ý kiến chỉ đạo về nội dung thẩm định.

3. Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng, các Thứ trưởng nghiên cứu thẩm định dự án, dự thảo liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao phụ trách.

4. Trong trường hợp dự án, dự thảo cần có sự phối hợp thẩm định của nhiều đơn vị thì một đơn vị được phân công chủ trì thẩm định, các đơn vị khác phối hợp thẩm định theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.